

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư Nhãn Hiệu Việt

Ngày 31/03/2025	12,850 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.5%	12.3%	-4.0%

DT thuần Q1/25
6.37
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.54 -19.5%
YoY: ▼10.1 -61.4%

LN thuần Q1/25
5.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.17 -38.7%
YoY: ▼1.40 -21.8%

LN sau thuế Q1/25
3.68
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.95 -20.6%
YoY: ▼1.09 -22.9%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
78.7%
YoY: +/-▼ 24.7%

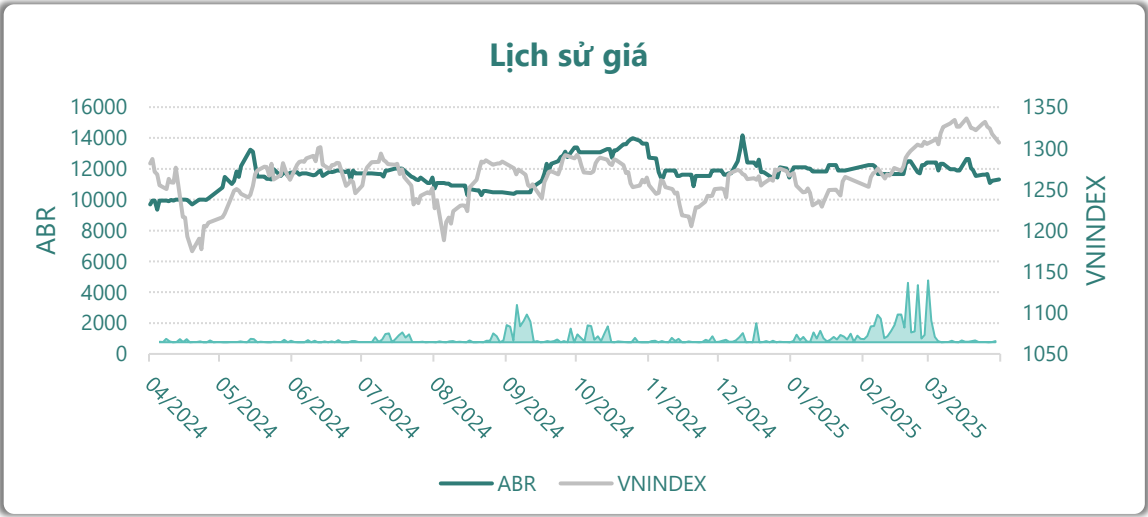
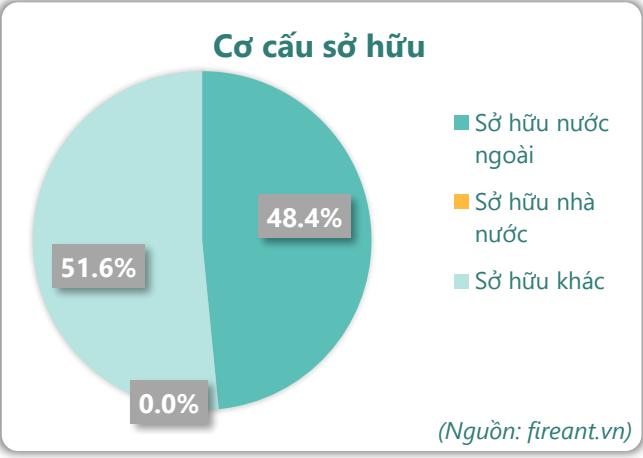
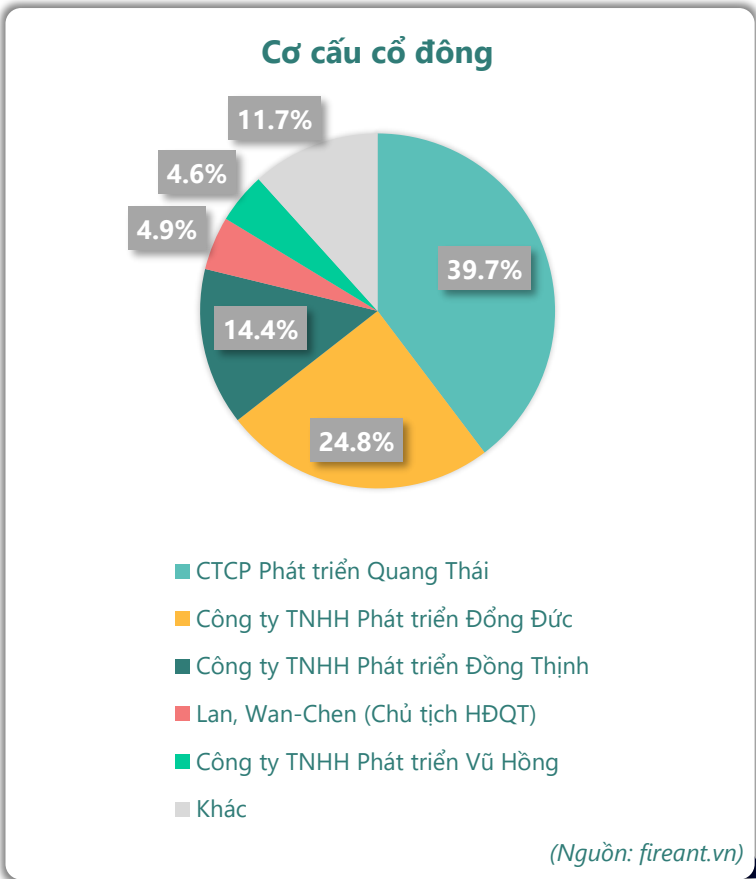
ROE (TTM) Q1/25
5.4%
YoY: +/-▼ 0.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,352 - 14,172
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	257
Số lượng CPLH (CP)	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	620
Sở hữu nước ngoài	48.4%
Beta	0.70
EPS	843
P/E	15.2

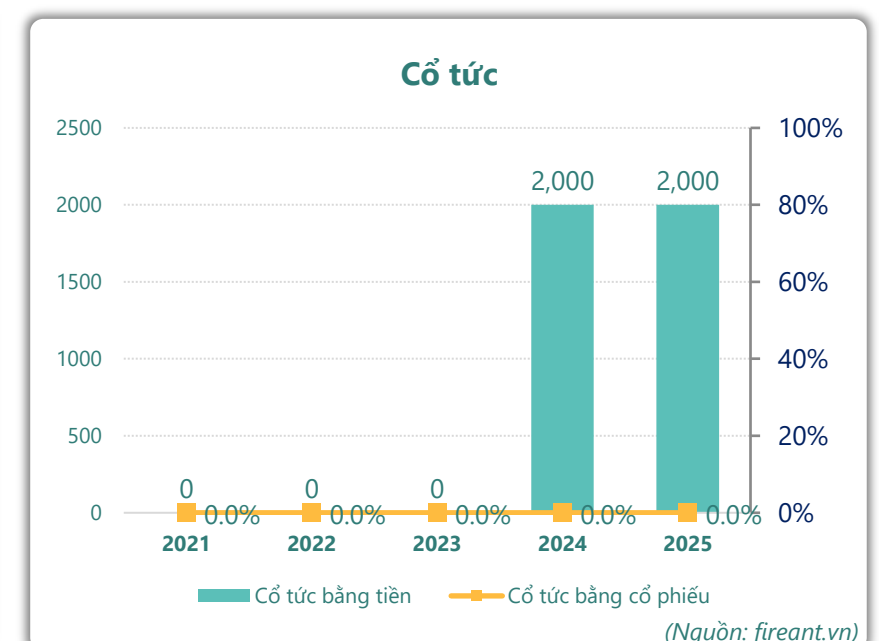
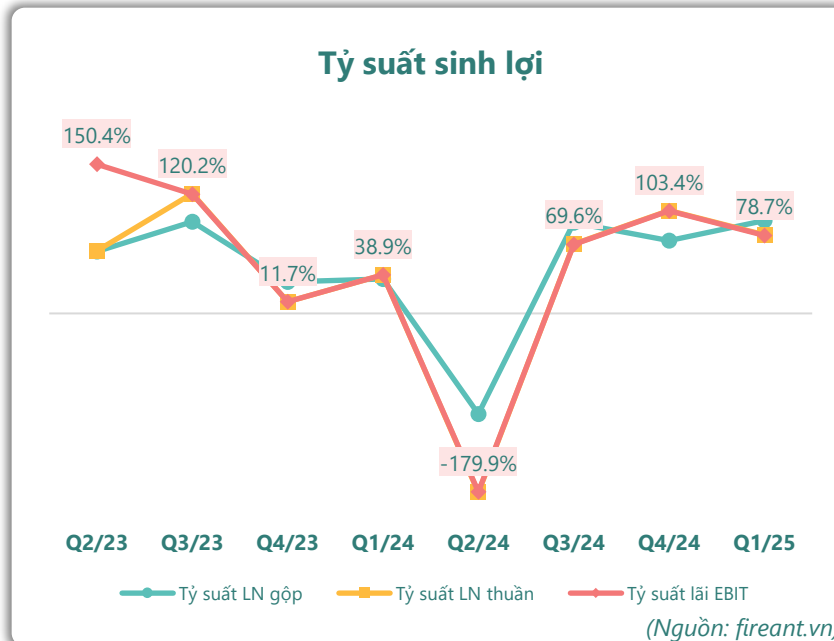
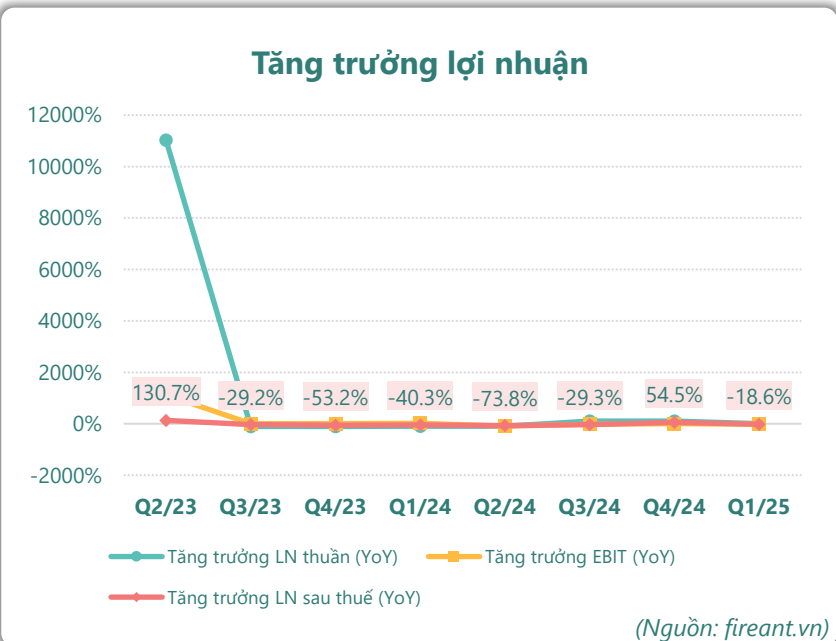
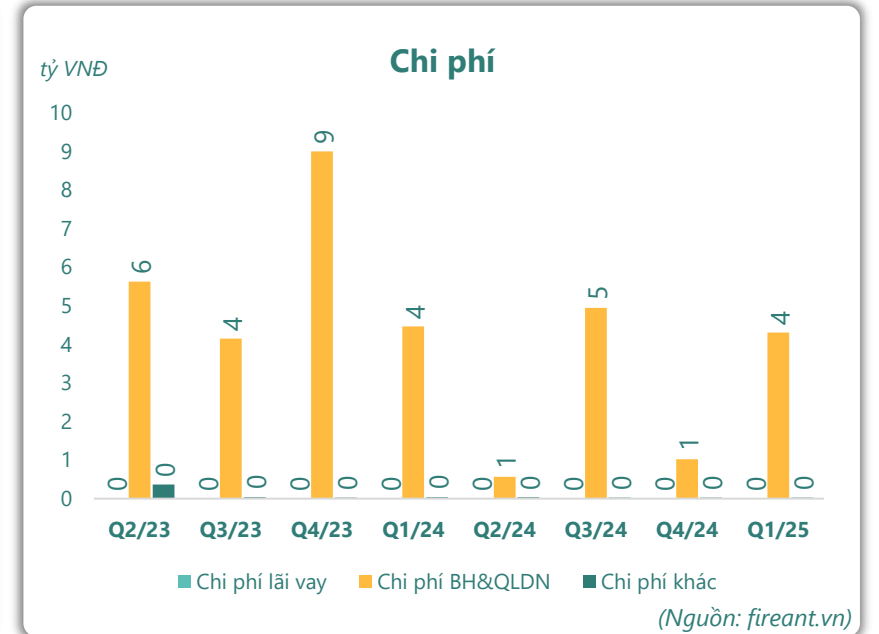
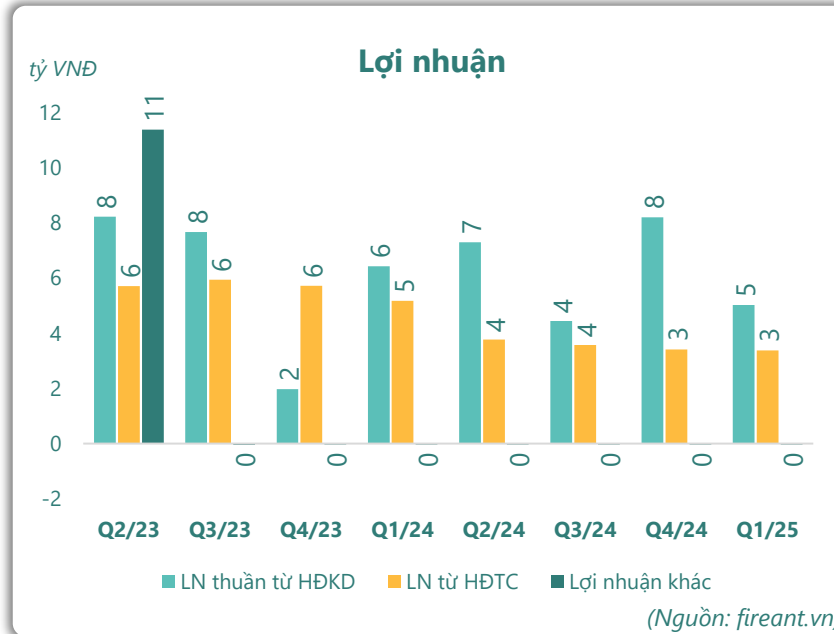
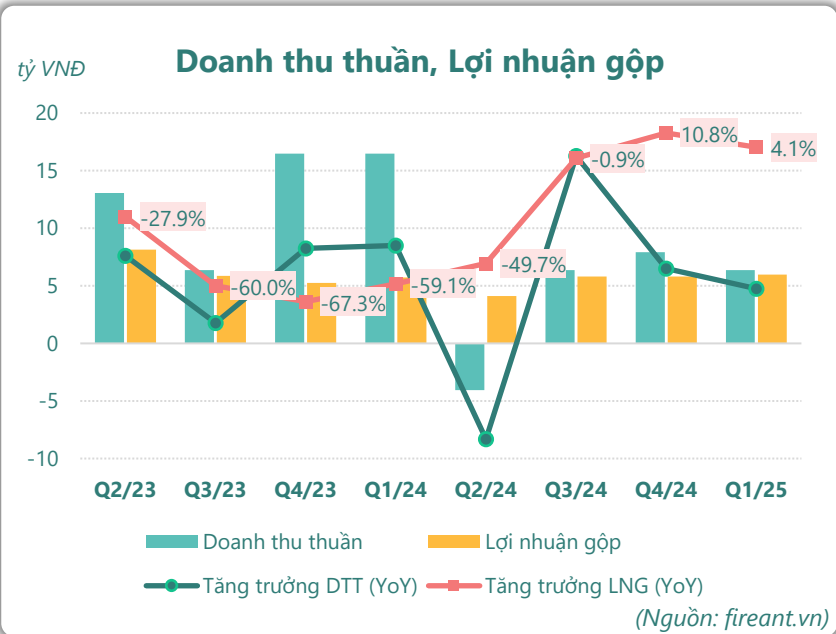
DT thuần 2024
24.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼28.8 -53.6%

LN thuần 2024
26.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.70 -9.1%

LN sau thuế 2024
19.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.3 -36.3%



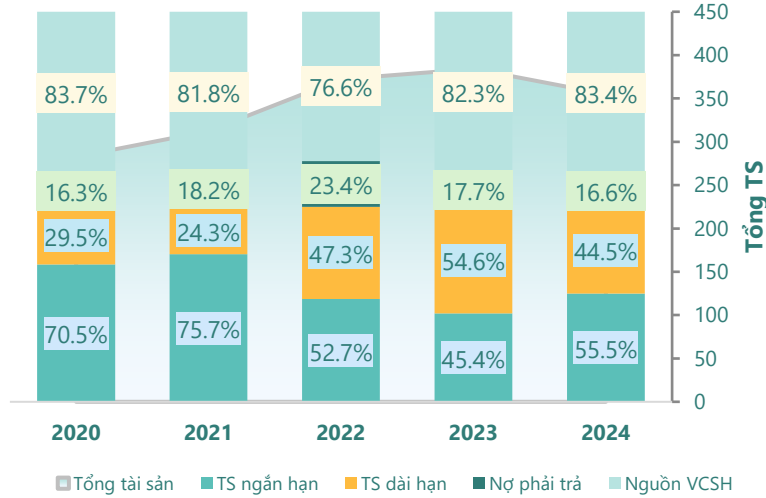
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

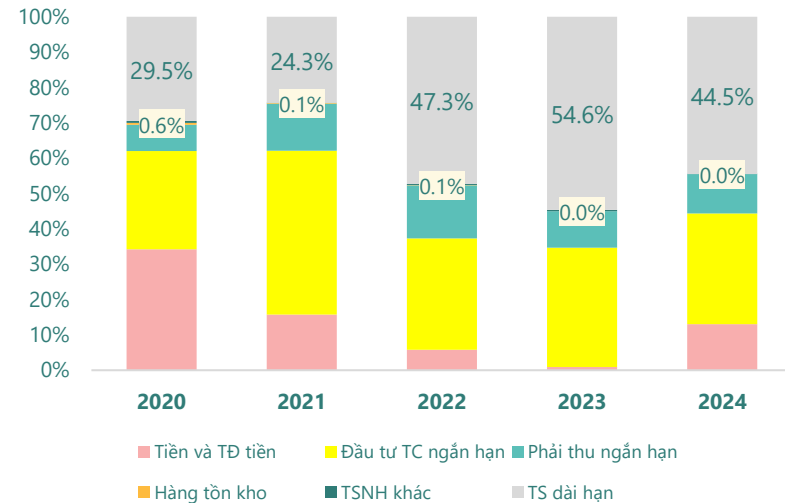
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

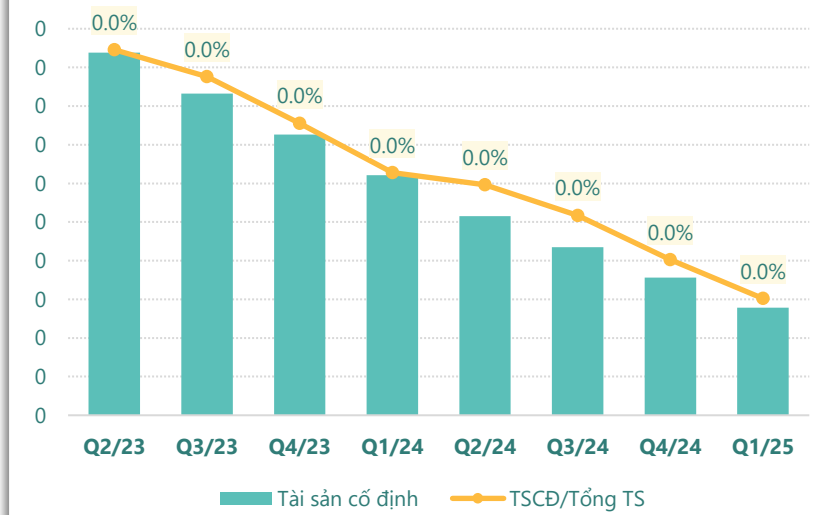
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

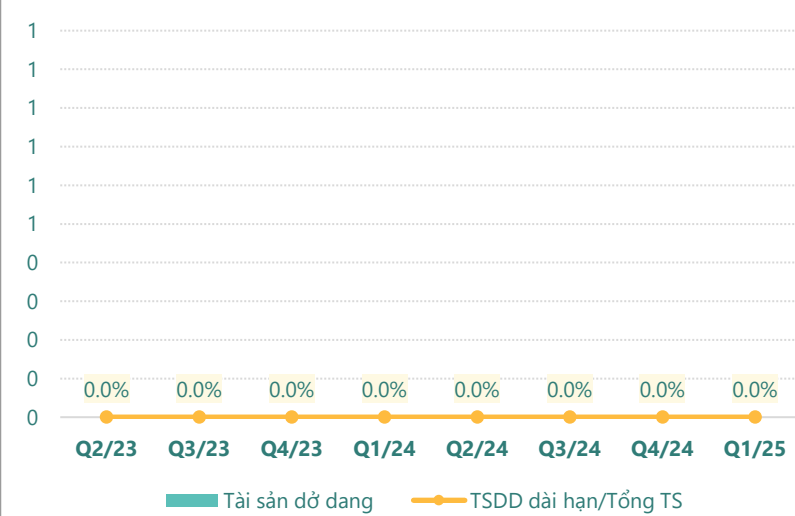
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

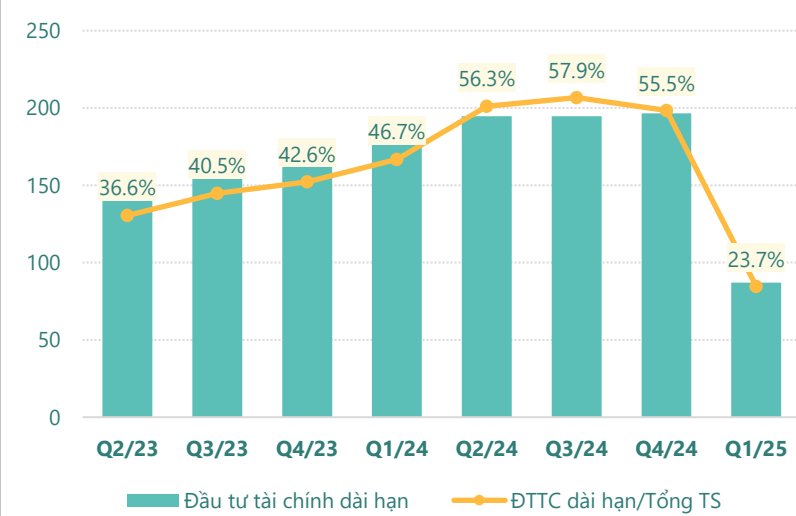
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

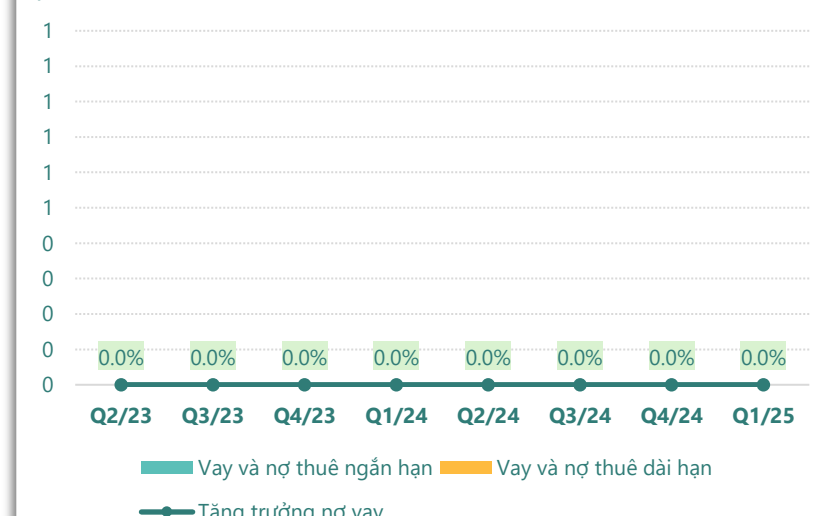
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

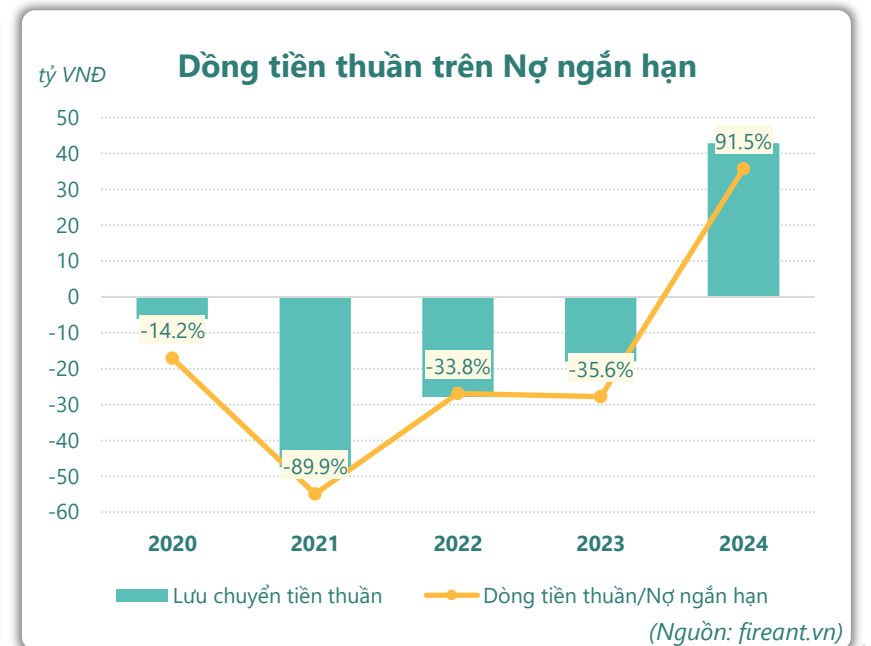
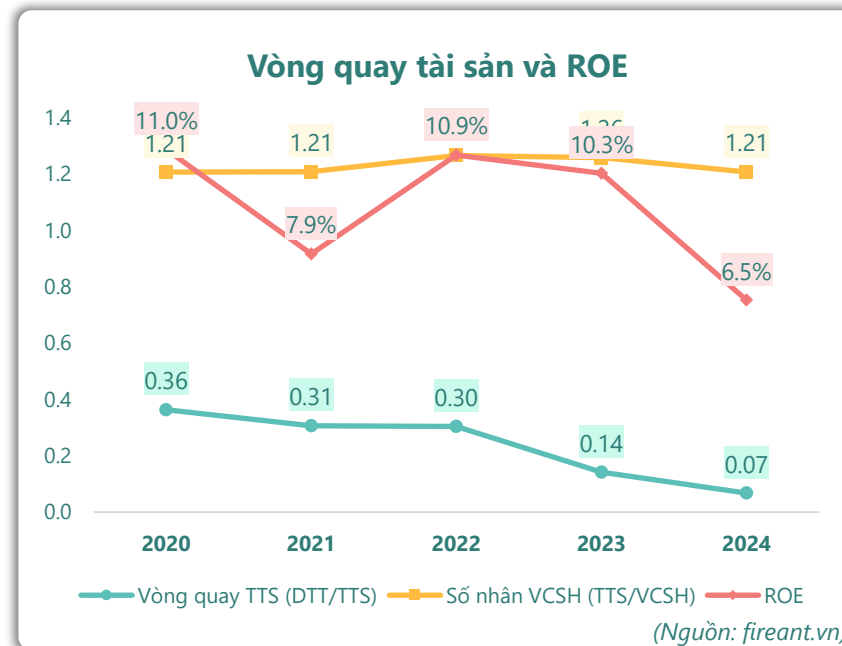
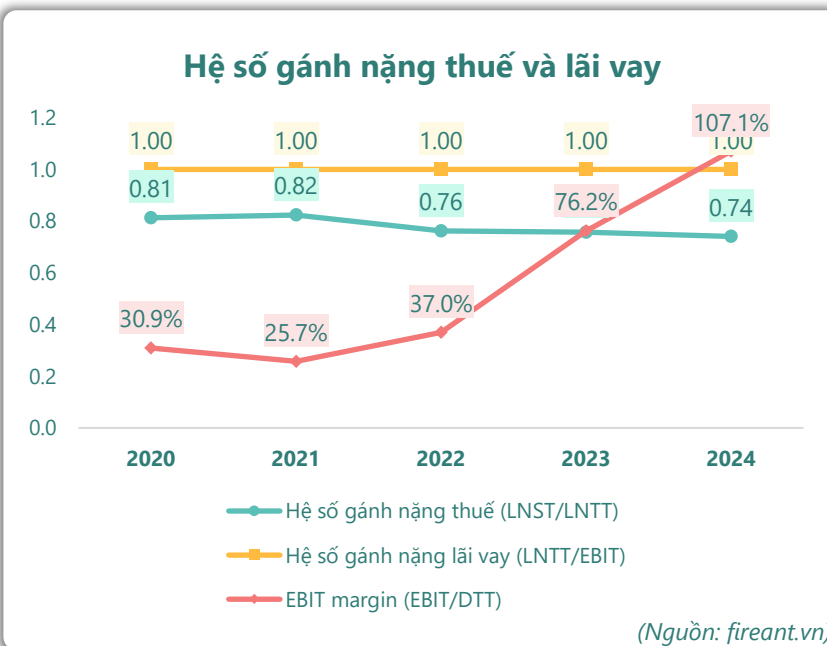
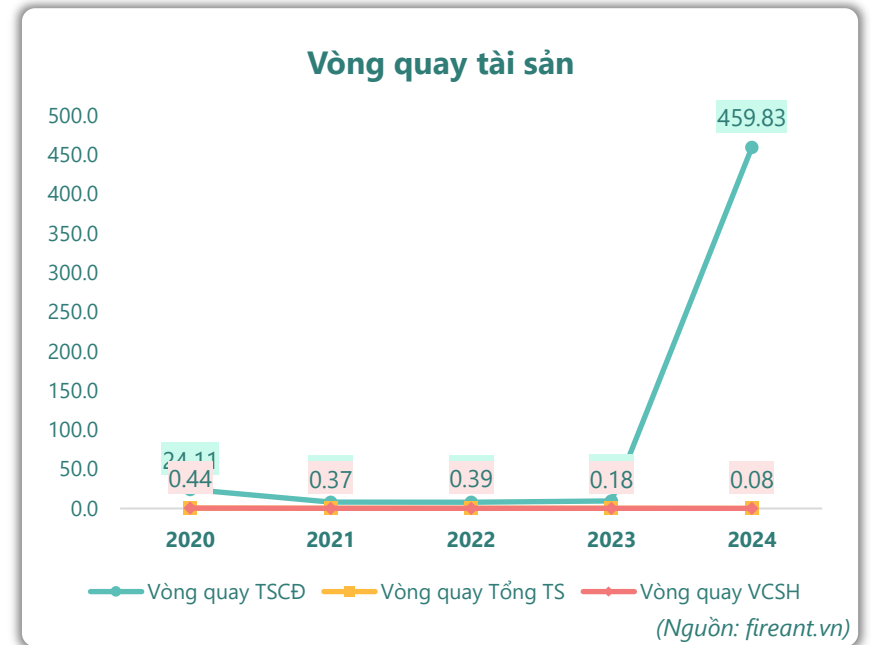
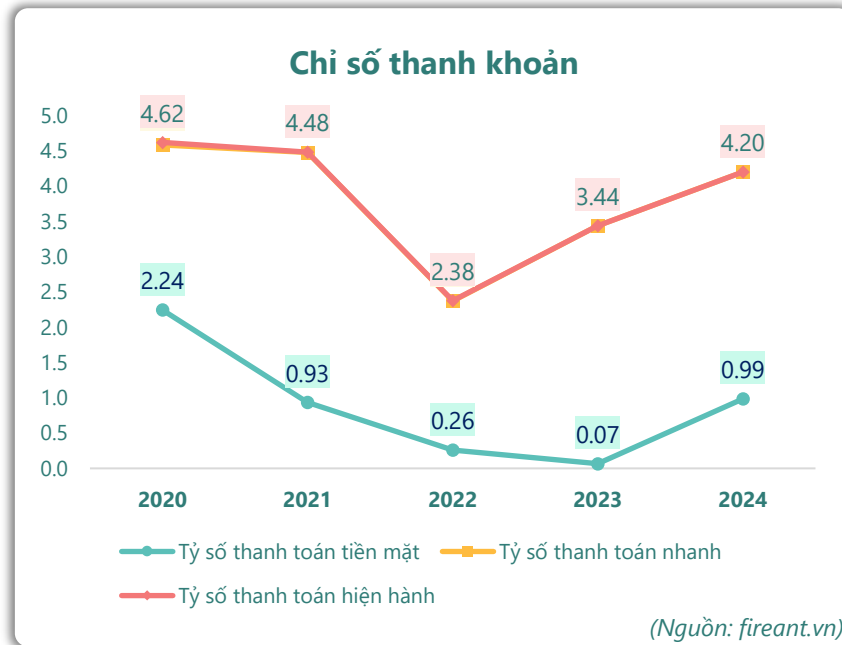
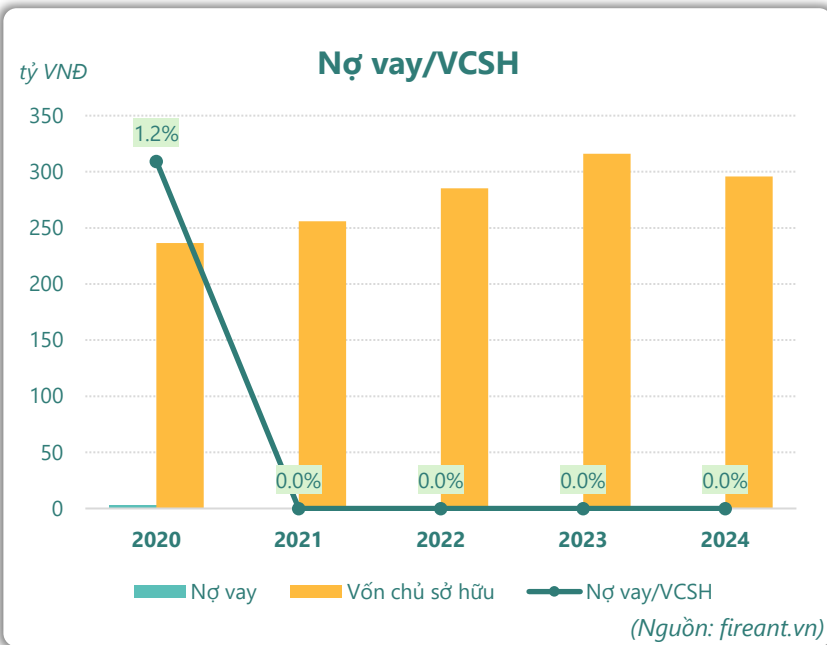
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	6.37	16.5	-61.4%	24.9	53.7	-53.6%
Giá vốn hàng bán	0.40	10.8	-96.3%	3.43	20.4	-83.2%
Lợi nhuận gộp	5.96	5.72	4.2%	21.5	33.3	-35.5%
Doanh thu HĐTC	3.50	5.25	-33.4%	16.3	21.6	-24.8%
Chi phí TC	0.11	0.08	42.7%	0.31	0.31	1.7%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.01	0.03	-68.4%	0.08	2.42	-96.8%
Chi phí QLDN	4.30	4.43	-3.0%	10.6	22.7	-53.5%
LN thuần từ HĐKD	5.04	6.44	-21.8%	26.8	29.5	-9.1%
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.04	24.7%	-0.13	11.4	-101%
LN trước thuế	5.01	6.40	-21.8%	26.7	40.9	-34.8%
Lợi nhuận sau thuế	3.68	4.77	-22.9%	19.7	31.0	-36.3%
LNST của CĐ cty mẹ	3.68	4.77	-22.9%	19.7	31.0	-36.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.1	31.2	-32.0	-33.8	2.24	-0.36
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-26.0	20.0	23.4	30.7	-0.76	-0.63
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-40.0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	3.27	3.37	54.5	5.94	2.80	46.3
Lưu chuyển tiền thuần	0.10	51.2	-48.6	-3.14	1.48	-0.99
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.37	54.5	5.94	2.80	4.27	45.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	368	355	3.8%
Tài sản ngắn hạn	246	197	25.1%
Tiền và tương đương tiền	45.3	46.3	-2.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	72.2	111	-35.1%
Phải thu ngắn hạn	129	39.3	227%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.33	0.21	60.6%
Tài sản dài hạn	122	158	-22.8%
Phải thu dài hạn	1.00	0.42	138%
Tài sản cố định	0.03	0.04	-22.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	87.1	122	-28.5%
Tài sản dài hạn khác	1.98	2.01	-1.7%
Lợi thế thương mại	31.8	33.5	-5.1%
Nợ phải trả	68.7	58.9	16.6%
Nợ ngắn hạn	57.9	46.9	23.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	31.0	30.5	1.7%
Nợ dài hạn	10.7	12.0	-10.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	300	296	1.2%
Vốn chủ sở hữu	300	296	1.2%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

